TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/DS- ST
Ngày: 18/6/2019
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang.

2. Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty B; địa chỉ: đường Đ, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện của nguyên đơn: Ông Phan Long P, sinh năm: 1995; địa chỉ: đường C, Phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1314/UQTA-VH.18 ngày 23/11/2018)

Ông Phan Long P vắng mặt – có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm: 1974; Địa chỉ: đường H, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/01/2015, ông Lê Văn S có ký với Công ty B (sau đây gọi tắt là Công ty) đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 0197203 (hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075) để vay số tiền 21.100.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân; hình thức thanh toán: trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.349.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.338.000 đồng. Thanh toán vào ngày 16 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 16/02/2015. Tổng số tiền phải thanh toán là 32.365.000 đồng.

Công ty đã giao cho ông S đủ số tiền vay trên. Ông S đã thanh toán cho công ty được số tiền là 13.500.000 đồng (gồm gốc và lãi). Kể từ ngày 14/01/2017 đến nay, ông S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho công ty dù đã có nhiều biện pháp nhắc nhở.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23/11/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 19/4/2019. trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty B – ông Phan Long P yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Lê Văn S thanh lý hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075, trả một lần cho Công ty B toàn bộ số tiền nợ 18.865.000 đồng, gồm: nợ gốc là 12.678.020 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.186.980 đồng.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/4/2019, Công ty B không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

** Đối với bị đơn ông Lê Văn S:* theo kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận M: "Đương sự Lê Văn S, SN 1974, có đăng ký HKTT tại đường H, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán có vi phạm về thời hạn tống đạt thông báo thụ lý là chậm tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn.

Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc ông Lê Văn S không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn S phải trả Công ty B số tiền 18.865.000 đồng gồm tiền nợ gốc: 12.678.020 và lãi 6.186.980 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Lê Văn S có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075 với Công ty B, do đó có cơ sở xác định giữa ông S và Công ty có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do ông S có nơi cư trú tại địa chỉ: đường H, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về người tham gia tố tụng:* Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty B là ông Phan Long P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự*:

* *Xét yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc:*

Công ty B buộc ông Lê Văn S trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 12.678.020 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bị đơn ông Lê Văn S có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075 ngày 07/01/2015. Công ty đã cho ông S vay số tiền 21.100.000 đồng. Bị đơn nhận được tiền vay, đã thanh toán được số tiền vay gốc là 8.421.980 đồng thì không tiếp tục thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa thanh toán theo khoản 3 Phần IV của hợp đồng quy định về cam kết của bên vay. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 quy định: " *Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn"* xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại 12.678.020 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

* *Về tiền lãi*:

Theo quy định Phần II của đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay là 3,75%/tháng. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*''

và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước cũng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.*", Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Ông Lê Văn S đã thanh toán được cho Công ty số tiền lãi là 5.078.020 đồng. Vì vậy Công ty yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn còn lại là 6.186.980 đồng, không yêu cầu tiền lãi quá hạn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn S phải trả cho Công ty B số tiền 18.865.000 đồng, gồm: nợ gốc là 12.678.020 đồng; nợ lãi: 6.186.980 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Công ty B được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 943.250 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 471.625 đồng cho Công ty B theo biên lai thu số AA/2016/0009569 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B.

Buộc ông Lê Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B tổng số tiền 18.865.000 (mười tám triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, gồm: nợ gốc là 12.678.020 (mười hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm hai mươi)

đồng; nợ lãi: 6.186.980 (sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi) đồng.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 19/6/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 20150112-800011-0075 ngày 07/01/2015 (số hiệu hồ sơ 0197203). "Mức lãi suất các bên thỏa thuận" là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn S phải chịu án phí là 943.250 (chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 471.625 (bốn trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0009569 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty B, bị đơn ông Lê Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Diệp